

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HÀM
ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN**
Số : 122/CBTT- HAMADECO
V/v báo cáo tài chính năm 2014

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2015

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HÀM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN**
Trụ sở chính: 27 Bùi Chát – P. Hòa Khánh Bắc – Q. Liên Chiểu – TP. Đà Nẵng

Điện thoại: ++84.05113 730574 Fax: ++84.05113 842713

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Tuấn Sinh – Kế toán trưởng

Địa chỉ : số 27 Kinh Dương Vương – TP. Đà Nẵng

Điện thoại : 0903559777

Loại thông tin công bố : định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm. (kèm bản sao báo cáo tài chính năm 2014)

Địa chỉ Website đăng tải nội dung: hamadeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD (báo cáo);
- Lưu

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

NGUYỄN TUẤN SINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
VÀ KHAI THÁC HÀM ĐƯỜNG BỘ
HẢI VÂN**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm Đường bộ Hải Vân công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm Đường bộ Hải Vân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Hàm Đường bộ Hải Vân) theo Quyết định số 3079/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 04/10/2013, Công ty chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần vào ngày 02/01/2014. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 ngày 24/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 02/01/2014), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 31.600.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế của các cổ đông đến ngày 31/12/2014: 31.600.000.000 đồng.

Công ty có 6 đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân;
- Chi nhánh Hợp doanh Bachchambard;
- Xí nghiệp Bảo trì Đường bộ và Hàm Hải Vân;
- Chi nhánh Quản lý đường bộ và Xây dựng Hải Vân;
- Chi nhánh Bình Định;
- Chi nhánh Long An.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 27 Bùi Chát, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0511.3730574; 0511.3733467 Fax: (84) 0511.3842713
- Email: hamadeco@hamadeco.com.vn Website: hamadeco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì hàm đường bộ Hải Vân; Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng các tuyến quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ Hải Vân bằng phương tiện chuyên dùng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, cho thuê văn phòng;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông, cốt thép cho xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá xây dựng, cát xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lựa chọn nhà thầu, quản lý dự án;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Sửa chữa các công trình giao thông;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, nước đá viên sạch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa chất độc hại nhà nước cấm); Bán buôn nhựa tương nhựa đường;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị phun nhựa, rải đá;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Tổ chức dịch vụ hướng dẫn tham quan hầm đường bộ Hải Vân.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 352 người. Trong đó nhân viên quản lý là 46 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Đình Bách | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Ông Cao Bá Giang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Khánh Điệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Bà Hoàng Thị Hải Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Ông Tạ Đức Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Trịnh Tuấn Anh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Bà Trần Thị Hồng Lam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Ông Lê Thanh Thùy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Đình Bách | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/12/2013 |
| • Ông Cao Bá Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/12/2013 |
| • Ông Lê Văn Sáu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/12/2013 |
| • Bà Hoàng Thị Hải Oanh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/12/2013 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Sinh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 27/12/2013 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30/4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Nguyễn Đình Bách

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 261/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm Đường bộ Hải Vân**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm Đường bộ Hải Vân (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/03/2015, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.129.892.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.209.184.176
1. Tiền	111	5	6.209.184.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.937.235.008
1. Phải thu khách hàng	131		46.310.514.604
2. Trả trước cho người bán	132		1.007.345.405
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.152.510.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.533.135.743)
IV. Hàng tồn kho	140		18.942.476.698
1. Hàng tồn kho	141	7	18.942.476.698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.040.996.119
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	866.860.790
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		372.887.190
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	28.130.538
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.773.117.601
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.690.196.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-
II. Tài sản cố định	220		42.943.683.345
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	39.548.696.378
- Nguyên giá	222		103.107.484.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.558.788.181)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.000.000
- Nguyên giá	228		45.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.385.986.967
III. Bất động sản đầu tư	240		-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.746.513.415
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.746.513.415
2. Tài sản dài hạn khác	268		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.820.088.761

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.732.187.083
I. Nợ ngắn hạn	310		76.639.633.813
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	38.972.000.886
2. Phải trả người bán	312		25.415.931.369
3. Người mua trả tiền trước	313		1.895.769.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.011.705.763
5. Phải trả người lao động	315		4.777.118.548
6. Chi phí phải trả	316	17	924.025.104
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2.722.869.491
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(79.786.660)
II. Nợ dài hạn	330		14.092.553.270
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	13.827.553.270
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	265.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.087.901.678
I. Vốn chủ sở hữu	410		33.087.901.678
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	31.600.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	21	(857.680.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	151.012.811
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	137.160.554
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	2.057.408.313
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.820.088.761



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Bách

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Sinh

Người lập biểu

Hoàng Thị Minh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính đầu tiên từ 02/01/2014 đến 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	255.985.972.431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	255.985.972.431
4. Giá vốn hàng bán	11	23	228.783.542.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>27.202.429.968</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	67.907.296
7. Chi phí tài chính	22	25	3.176.161.624
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.176.161.624
8. Chi phí bán hàng	24		10.559.974.427
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.052.967.979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>5.481.233.234</u>
11. Thu nhập khác	31	26	80.305.301
12. Chi phí khác	32	27	366.839.417
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(286.534.116)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	<u>5.194.699.118</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.380.495.876
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	<u>3.814.203.242</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	873


Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Bách

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Sinh

Người lập biểu



Hoàng Thị Minh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính đầu tiên từ 02/01/2014 đến 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.194.699.118
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao Tài sản cố định	02	6.947.828.684
- Các khoản dự phòng	03	2.533.135.743
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(67.907.296)
- Chi phí lãi vay	06	3.176.161.624
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	17.783.917.873
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.521.014.075)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.235.330.801
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11	(1.461.747.754)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(203.516.853)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.550.713.868)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(953.800.674)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.623.912.350
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(607.974.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.344.392.921
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(4.135.136.316)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.907.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.067.229.020)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(857.680.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	105.938.111.742
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.148.411.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.932.020.275
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.209.184.176
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.209.184.176


Tổng Giám đốc
(Signature)
Nguyễn Đình Bách

Kế toán trưởng
(Signature)
Nguyễn Tuấn Sinh

Người lập biểu
(Signature)
Hoàng Thị Minh Nguyệt

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm Đường bộ Hải Vân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Hầm Đường bộ Hải Vân) theo Quyết định số 3079/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 04/10/2013, Công ty chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần vào ngày 02/01/2014. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 ngày 24/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 02/01/2014), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 31.600.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng da và giả da; Bán buôn hàng mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn đồ điện gia dụng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng các tuyến quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ Hải Vân bằng phương tiện chuyên dùng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, cho thuê văn phòng;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông, cốt thép cho xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá xây dựng, cát xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lựa chọn nhà thầu, quản lý dự án;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Sửa chữa các công trình giao thông;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, nước đá viên sạch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa chất độc hại nhà nước cấm); Bán buôn nữ trang nhựa đường;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị phun nhựa, rải đá;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Tổ chức dịch vụ hướng dẫn tham quan hầm đường bộ Hải Vân.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Hoạt động sản xuất nông nghiệp; hoạt động duy tu, sửa chữa hầm; hoạt động vận chuyển khách và hàng hóa qua hầm: Áp dụng mức thuế suất 10%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 22%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ, ký cược.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2014
	VND
Tiền mặt	699.143.328
Tiền gửi ngân hàng	5.510.040.848
Cộng	6.209.184.176

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014
	VND
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000
Công ty France Emulsion	506.526.046
Thuế TNCN phải thu người lao động	176.546.100
Phải thu khác	631.620.596
Cộng	2.152.510.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.118.701.274
Công cụ, dụng cụ	434.832.466
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.108.634.672
Thành phẩm	1.025.437.908
Hàng hóa	254.870.378
Cộng	18.942.476.698

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	268.054.795
Bảo hiểm xe ô tô	278.576.677
Chi phí in vé vận chuyển người, xe máy qua hầm	97.956.591
Chi phí khác	222.272.727
Cộng	866.860.790

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND
Thuế nhà thầu nộp thừa	28.130.538
Cộng	28.130.538

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND
Tạm ứng	3.773.048.973
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	68.628
Cộng	3.773.117.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng do cổ phần hóa	27.179.569.287	23.066.609.347	47.765.788.790	1.035.150.493	99.047.117.917
Mua sắm trong năm	-	325.403.605	815.336.364	59.380.000	1.200.119.969
Tăng do đầu tư XD CB	1.098.735.641	1.761.511.032	-	-	2.860.246.673
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	28.278.304.928	25.153.523.984	48.581.125.154	1.094.530.493	103.107.484.559
Khấu hao					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng do cổ phần hóa	9.910.237.372	12.610.697.837	33.474.631.947	624.392.341	56.619.959.497
Khấu hao trong năm	986.768.295	1.717.148.402	4.055.605.692	179.306.295	6.938.828.684
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	10.897.005.667	14.327.846.239	37.530.237.639	803.698.636	63.558.788.181
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	17.381.299.261	10.825.677.745	11.050.887.515	290.831.857	39.548.696.378

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 2.783.563.192 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.900.819.842 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng do cổ phần hóa	45.000.000
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	45.000.000
Khấu hao	
Số đầu năm	-
Tăng do cổ phần hóa	27.000.000
Khấu hao trong năm	9.000.000
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	36.000.000
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	9.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND
Khu tham quan, du lịch	377.340.276
Đồ đất xây nhà tập thể CBCNV	365.010.327
Mua tài sản cố định (phương tiện vận tải)	2.643.636.364
Cộng	3.385.986.967

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND
Chi phí sửa chữa	625.131.368
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	376.640.297
Chi phí thuê đất (*)	2.744.741.750
Cộng	3.746.513.415

(*) Công ty thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Cầu Tràm, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An theo hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 11/01/2011 với Công ty Cổ phần TM DV XD và XNK Trung Thành trong thời gian 48 năm (Kể từ ngày 06/04/2010 đến ngày 21/03/2058). Giá trị còn lại của chi phí thuê đất này dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 2.744.741.750 đồng.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND
Vay ngắn hạn	37.591.448.635
- Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Bắc Đà Nẵng	23.287.908.557
- Vay cá nhân	14.303.540.078
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.380.552.251
- Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Bắc Đà Nẵng	1.380.552.251
Cộng	38.972.000.886

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.442.664.095
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568.624.208
Thuế thu nhập cá nhân	417.460
Cộng	2.011.705.763

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND
Chi phí lãi vay	924.025.104
Cộng	924.025.104

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND
Kinh phí công đoàn	77.021.486
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.645.848.005
- Công ty France Emulsion	1.070.992.159
- Thưởng an toàn lao động cho XN Bảo trì Đường bộ và Hàm Hải Vân	575.986.652
- Phải trả khác	998.869.194
Cộng	2.722.869.491

19. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014 VND
Công ty France Emulsion (**)	13.827.553.270
Cộng	13.827.553.270

(**) Đây là khoản góp vốn liên doanh của Công ty France Emulsion theo hợp đồng hợp tác kinh doanh để sản xuất nhũ tương năm 1994.

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND
Vay dài hạn	265.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bắc Đà Nẵng	265.000.000
Cộng	265.000.000

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTĐĐT ngày 25 tháng 01 năm 2011 để đầu tư xây dựng Nhà máy nhũ tương nhựa đường tại Long An. Theo đó, tổng hạn mức vay: 5.300.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa: 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (28/02/2011), lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 18,6%/năm và sẽ được điều chỉnh theo lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành sau đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận ST chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 02/01/2014	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	31.600.000.000	(857.680.000)	151.012.811	137.160.554	3.814.203.242
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.756.794.929
Số dư tại 31/12/2014	<u>31.600.000.000</u>	<u>(857.680.000)</u>	<u>151.012.811</u>	<u>137.160.554</u>	<u>2.057.408.313</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	14.220.000.000
Công đoàn Công ty CP QL và KT hầm ĐB Hải Vân	848.000.000
Các đối tượng khác	15.964.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	568.000.000
Cộng	<u><u>31.600.000.000</u></u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.160.000
- Cổ phiếu thường	3.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	56.800
- Cổ phiếu thường	56.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.103.200
- Cổ phiếu thường	3.103.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

31/12/2014
VND

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.814.203.242
Phân phối lợi nhuận năm nay	1.756.794.929
- Trích quỹ đầu tư phát triển	137.160.554
- Trích quỹ dự phòng tài chính	137.160.554
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	411.481.662
- Chia lãi cho bên góp vốn liên doanh Chi nhánh Hợp doanh Bachchambard	1.070.992.159

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.057.408.313

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm nay theo Quyết định Hội đồng quản trị số 32/QĐ/HĐQT-HAMADECO ngày 07/02/2015.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Tổng doanh thu	255.985.972.431
+ Doanh thu hoạt động sản xuất	130.654.129.216
+ Doanh thu hoạt động xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa	98.219.761.591
+ Doanh thu hoạt động khác	27.112.081.624
Các khoản giảm trừ doanh thu	-

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

255.985.972.431

23. Giá vốn hàng bán

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Giá vốn hoạt động sản xuất	116.066.707.118
Giá vốn hoạt động xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa	90.736.700.500
Giá vốn hoạt động khác	21.980.134.845

Cộng

228.783.542.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Lãi tiền gửi	67.907.296
Cộng	67.907.296

25. Chi phí tài chính

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Chi phí lãi vay	3.176.161.624
Cộng	3.176.161.624

26. Thu nhập khác

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Khu Quản lý đường bộ 5 cấp vật tư	41.403.300
Vật tư thanh lý	26.727.273
Thu nhập khác	12.174.728
Cộng	80.305.301

27. Chi phí khác

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Chi phí phạt thuế	256.109.479
Chi phí khác	110.729.938
Cộng	366.839.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

Từ ngày 02/01/2014

đến ngày 31/12/2014

VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.194.699.118
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.080.282.131
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	1.080.282.131
- Chi phí phạt thuế	256.109.479
- Chi phí không hợp lệ	824.172.652
Điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.274.981.249
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.380.495.876
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.814.203.242

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 02/01/2014

đến ngày 31/12/2014

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.814.203.242
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(1.070.992.159)
Lãi chia cho các Công ty France Emulsion	(1.070.992.159)
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.743.211.083
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.141.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	873

30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Từ ngày 02/01/2014

đến ngày 31/12/2014

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.276.846.207
Chi phí nhân công	47.729.814.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.947.828.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.657.344.738
Chi phí khác bằng tiền	7.063.153.164
Cộng	239.674.987.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, dịch vụ từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng chính sách lựa chọn nhà cung cấp. Theo đó, ưu tiên hàng đầu của Công ty là lựa chọn những nhà cung cấp dịch vụ uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty luôn linh hoạt trong việc lựa chọn nhà cung cấp bằng việc tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo nhiên liệu, dịch vụ được cung cấp với mức giá hợp lý và chất lượng nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiên hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Mặt dù, Công ty có những khoản nợ chậm thu hồi do tình hình kinh tế những năm qua gặp khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng những công nợ đó vẫn đang hoạt động và Công ty sẽ thu hồi được khi tình hình kinh tế tiến triển tốt hơn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	38.972.000.886	265.000.000	39.237.000.886
Phải trả người bán	25.415.931.369	-	25.415.931.369
Chi phí phải trả	924.025.104	-	924.025.104
Phải trả khác	2.645.848.005	13.827.553.270	16.473.401.275
Cộng	67.957.805.364	14.092.553.270	82.050.358.634

Ban Tổng Giám đốc cho rằng có rủi ro thanh khoản nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.209.184.176	-	6.209.184.176
Phải thu khách hàng	43.777.378.861	-	43.777.378.861
Phải thu khác	2.152.510.742	-	2.152.510.742
Ký quỹ, ký cược	68.628	-	68.628
Cộng	52.139.142.407	-	52.139.142.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Hoạt động	Sản xuất nhũ tương VND	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Vận chuyển VND	Kinh doanh khác VND	Cộng VND
Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014					
Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	132.428.113.997	103.055.814.776	17.758.364.635	2.743.679.023	255.985.972.431
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn	117.858.486.022	95.552.670.832	13.545.219.005	1.827.166.604	228.783.542.463
Chi phí bán hàng	10.185.178.443	-	373.749.913	1.046.071	10.559.974.427
Chi phí quản lý doanh nghiệp	565.983.389	7.455.619.209	-	31.365.381	8.052.967.979
Doanh thu tài chính không phân bổ					67.907.296
Chi phí tài chính không phân bổ					3.176.161.624
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.818.466.143	47.524.735	3.839.395.717	884.100.967	5.481.233.234
Thu nhập khác					80.305.301
Chi phí khác					366.839.417
Lợi nhuận khác					(286.534.116)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					5.194.699.118
Chi phí thuế TNDN hiện hành					1.380.495.876
Lợi nhuận sau thuế trong năm					3.814.203.242
Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2014	9.981.013.051	13.977.486.461	6.201.868.766	9.388.328.100	39.548.696.378
- Nguyên giá	47.836.682.525	24.690.098.807	18.549.192.117	12.031.511.110	103.107.484.559
- Giá trị hao mòn	37.855.669.474	10.712.612.346	12.347.323.351	2.643.183.010	63.558.788.181
Phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014	24.941.436.396	18.317.891.101	38.362.900	479.688.464	43.777.378.861
Phải trả người bán tại ngày 31/12/2014	10.018.709.532	14.818.160.733	579.061.104	-	25.415.931.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Từ ngày 02/01/2014
đến ngày 31/12/2014
VND

Lương Ban Tổng Giám đốc

1.263.531.000

34. Các sự kiện khác

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 1093/GPDDC1-BKH-KCN-ĐNg ngày 17/12/2003 của Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng, thời hạn Hợp đồng hợp tác kinh doanh sản xuất nhũ tương với Công ty France Emulsion có thời hạn 20 năm kể từ ngày 02/06/1994. Như vậy, thời hạn hợp tác kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư đã hết hiệu lực tại ngày 02/06/2014. Đến thời điểm hiện nay, Công ty và đối tác vẫn chưa gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là năm tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động theo mô hình là Công ty Cổ phần.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Bách

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Sinh

Người lập biểu

Hoàng Thị Minh Nguyệt